CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF APPROVED PRODUCT

Từ ngày: 01/07/2019 Đến ngày: 01/07/2024

Loại hình công nhận: , CWA, CTA, CDA

Nhóm sản phẩm: Máy

Loại sản phẩm:

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
Máy/ Machinery					
1	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S6A3-T2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Vertical, single acting, 4-stroke, direct injection Kiểu/ Type: S6A3-T2M(P)TK/ T2M(P)TK3(L),(M) Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 150 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 175 mm	00481/19CN02.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
2	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S6B3	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Vertical, single acting, 4-stroke, direct injection Kiểu/ Type: S6B3 - MTA/ MPTA/ MTK/ MPTK Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 135 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 170 mm	00481/19CN03.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
3	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S6B3-T2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Vertical, single acting, 4-stroke, direct injection Kiểu/ Type: S6B3-T2MPTAW Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 135 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 170 mm	00481/19CN04.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
4	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S6R	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Vertical, single acting, 4-stroke, direct injection Kiểu/ Type: S6R - MTA/ MPTA/ MTK/ MPTK/ MPTAW/ Z3MPTAW Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00481/19CN05.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
5	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S6R-T2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Vertical, single acting, 4-stroke, direct injection Kiểu/ Type: S6R-T2MTK/ T2MPTK Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00481/19CN06.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
6	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S6R2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: single acting, 4-stroke, direct injection Kiểu/ Type: S6R2 - M(P)TA/ M(P)TK/ M(P)TK3(L) Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 220 mm	00481/19CN07.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
7	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S12A2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 4-stroke, direct injection, single acting vee type Kiểu/ Type: S12A2-MTA/ MPTA/ MTK/ MPTK/ MPTAW/ Z3MPTAW/ Y2MPTK Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 150 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 160 mm	00481/19CN09.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
8	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S12A2-T2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 4-stroke, direct injection, single acting vee type Kiểu/ Type: S12A2-T2MTK/ T2MPTK/ T2MPTAW2 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 150 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 160 mm	00481/19CN10.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
9	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S12R	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 4-stroke, direct injection, single acting vee type Kiểu/ Type: S12R-M(P)TA/ M(P)TK Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00481/19CN11.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
10	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S16R	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 4-stroke, direct injection, single acting vee type Kiểu/ Type: S16R-M(P)TA/ M(P)TK/ M(P)TAW/ Z3M(P)TAW/ Y3M(P)TAW Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00481/19CN13.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
11	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S16R-T2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 4-stroke, direct injection, single acting vee type Kiểu/ Type: S16R-T2M(P)TK/ M(P)TAW Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00481/19CN14.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
12	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S16R2-T2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 4-stroke, direct injection, single acting vee type Kiểu/ Type: S16R2-T2M(P)TAW/ T2M(P)TK Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 220 mm	00481/19CN15.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
13	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S6A3	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Vertical, single acting, 4-stroke, direct injection Kiểu/ Type: S6A3-M(P)TK/ M(P)TK3(L),(M) Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 150 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 175 mm	00481/19CN01.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
14	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 6170	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 200 mm Công suất liên tục lớn nhất của dòng động cơ/ Max. Rated output of the serial engines: 601 kW	00805/21CN02.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
15	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 8170	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 200 mm Công suất liên tục lớn nhất của dòng động cơ/ Max. Rated output of the serial engines: 735 kW	00805/21CN02.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
16	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WHM6160	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Kiểu/ Type: WHM6160C; WHM6160D Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 160 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 200 mm	00805/21CN03.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
17	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WHM6160M	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Kiểu/ Type: WHM6160MC; WHM6160MD Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 160 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 216 mm	00805/21CN04.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
18	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 6160	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine / Auxiliary engine Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 160 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 225 mm Công suất liên tục lớn nhất của dòng động cơ/ Max. Rated output of the serial engines: 360 kW	00805/21CN01.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
19	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WD12	Weichai Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China Weichai Power Co.,Ltd. Address: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Kiểu/ Type: WD12; WD618 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 126 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00806/21CN02.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
20	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP12	Weichai Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China Weichai Power Co.,Ltd. Address: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Kiểu/ Type: WP12C; WP12CD Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 126 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00806/21CN02.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
21	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP10(CR)	Weichai Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China Weichai Power Co.,Ltd. Address: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine Kiểu/ Type: WP10C Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 126 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 130 mm	00806/21CN04.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
22	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP12(CR)	Weichai Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China Weichai Power Co.,Ltd. Address: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 126 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm Công suất liên tục lớn nhất của dòng động cơ/ Max. Rated output of the serial engines: 335 kW	00806/21CN05.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
23	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP13(CR)	Weichai Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China Weichai Power Co.,Ltd. Address: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 127 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 165 mm Công suất liên tục lớn nhất của dòng động cơ/ Max. Rated output of the serial engines: 368 kW	00806/21CN06.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
24	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WD10	Weichai Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China Weichai Power Co.,Ltd. Address: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Kiểu/ Type: WD10; WD615; WP10CD Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 126 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 130 mm	00806/21CN01.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
25	Động cơ diesel/ Marine diesel engine CW200	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Chongqing Branch Địa chỉ: Degan Town, Jiangjin, Chongqing, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Chongqing Branch Address: Degan Town, Jiangjin, Chongqing, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Kiểu/ Type: (X)CW6200; (X)CW8200; (X)CW12V; (X)CW16V Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6; 8; 12; 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 200 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 270 mm	00807/21CN01.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
26	Động cơ diesel/ Marine diesel engine CW250	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Chongqing Branch Địa chỉ: Degan Town, Jiangjin, Chongqing, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Chongqing Branch Address: Degan Town, Jiangjin, Chongqing, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Kiểu/ Type: CW6250; CW8250 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6; 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 250 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 300 mm	00807/21CN02.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
27	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP4.1	Weichai Power Yangzhou Diesel Engine Co.,Ltd. Địa chỉ: No.128, Chunjiang Road, Yangzhou, China Weichai Power Yangzhou Diesel Engine Co.,Ltd. Address: No.128, Chunjiang Road, Yangzhou, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine/ Auxiliary engine Kiểu/ Type: WP4.1C; WP4.1CD Số xy lanh/ No. of Cylinder: 4 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 105 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 118 mm	00810/21CN01.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
28	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP2.3	Weichai Power Yangzhou Diesel Engine Co.,Ltd. Địa chỉ: No.128, Chunjiang Road, Yangzhou, China Weichai Power Yangzhou Diesel Engine Co.,Ltd. Address: No.128, Chunjiang Road, Yangzhou, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Auxiliary engine Kiểu/ Type: WP2.3CD Số xy lanh/ No. of Cylinder: 4 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 89 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 92 mm	00810/21CN02.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
29	Động cơ diesel/ Marine diesel engine L126	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: L126TIM; L126TIH Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 123 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00811/21CN01.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
30	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD126	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD126TIS; AD126TIF Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 123 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00811/21CN01.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
31	Động cơ diesel/ Marine diesel engine MD196	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: MD196T; MD196TI Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 123 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00811/21CN01.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
32	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD196	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD196TIF; AD196TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 123 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00811/21CN01.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
33	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD086	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD086TIS; AD086TIF Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 111 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 139 mm	00811/21CN02.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
34	Động cơ diesel/ Marine diesel engine L086	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: L086TIH; L086TIM; L086TIL Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 111 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 139 mm	00811/21CN02.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
35	Động cơ diesel/ Marine diesel engine L136	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: L136; L136T; L136TI Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 111 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 139 mm	00811/21CN02.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
36	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD136	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD136S; AD136TS; AD136F; AD136TF; AD136TIF; AD136TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 111 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 139 mm	00811/21CN02.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
37	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 4V158	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: 4V158TIL; 4V158TIM; 4V158TIH Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN03.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
38	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 4V222	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: 4V222TIL; 4V222TIM; 4V222TIH Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN03.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
39	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 4AD158	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: 4AD158TIF; 4AD158TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN03.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
40	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 4AD222	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: 4AD222TIF; 4AD222TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN03.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
41	Động cơ diesel/ Marine diesel engine V158	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: V158TIH; V158TIM; V158TIL Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN04.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
42	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD158	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD158TIF; AD158TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN04.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
43	Động cơ diesel/ Marine diesel engine V180	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: V180TIH; V180TIM; V180TIL Số xy lanh/ No. of Cylinder: 10 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN04.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
44	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD180	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD180TIF; AD180TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 10 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN04.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
45	Động cơ diesel/ Marine diesel engine V222	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: V222TIH; V222TIM; V222TIL Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN04.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
46	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD222	Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea Hyundai Doosan Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-Gu, Incheon, Republic of Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD222TIF; AD222TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00811/21CN04.TA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CTA
47	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WHM6160MC835-5	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Main engine Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 160 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 216 mm Công suất ra định mức lớn nhất/ Max. rated output: 614 kW	00805/21CN05.TA 11/11/2021 11/11/2026 11/05/2024	CTA
48	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3508	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 strokes single acting. Kiểu/ Type: 3508 DITA Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 190 mm	00167/22CN01.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
49	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3508B/3508C	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 strokes single acting. Kiểu/ Type: 3508B DITA SCAC/ 3508C (ACERT) Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 190 mm	00167/22CN01.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
50	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3512	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 strokes single acting Kiểu/ Type: 3512 DITA / 3512 DITA SWAC Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 190 mm	00167/22CN01.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
51	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3512B/3512C	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 strokes single acting. Kiểu/ Type: 3512B DITA SCAC/ 3512C (ACERT)/ 3512B/ 3512C Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 190 mm	00167/22CN01.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
52	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3516	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 strokes single acting Kiểu/ Type: 3516 DITA Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 190 mm	00167/22CN01.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
53	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3516B/3516C	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 strokes single acting. Kiểu/ Type: 3516B DITA SCAC/ 3516C (ACERT)/ 3516B DITA SWAC Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 190 mm	00167/22CN01.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
54	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3512B/C HD	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: 3512B/ 3512C Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 215 mm	00167/22CN02.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
55	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3512E HD	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: 3512E Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 215 mm	00167/22CN02.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
56	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3516B/C HD	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: 3516B/ 3516C Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 215 mm	00167/22CN02.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
57	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3516E HD	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: 16 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 3516E Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 215 mm	00167/22CN02.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
58	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 3516C HD Petroleum	CATERPILLAR INC.(IND) Địa chỉ: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA CATERPILLAR INC.(IND) Address: 3701 South Street, Lafayette, Indiana, 47905, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: 3516C Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 215 mm	00167/22CN02.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
59	Động cơ diesel/ Marine diesel engine C9.3	CATERPILLAR INC.(GEO) Địa chỉ: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA CATERPILLAR INC.(GEO) Address: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: C9.3 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 115 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 149 mm	00166/22CN01.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
60	Động cơ diesel/ Marine diesel engine C12	CATERPILLAR INC.(GEO) Địa chỉ: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA CATERPILLAR INC.(GEO) Address: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: C12/ C12 ACERT** Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 130 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 150 mm	00166/22CN02.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
61	Động cơ diesel/ Marine diesel engine C18	CATERPILLAR INC.(GEO) Địa chỉ: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA CATERPILLAR INC.(GEO) Address: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: C18 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 145 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 183 mm	00166/22CN03.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
62	Động cơ diesel/ Marine diesel engine C32	CATERPILLAR INC.(GEO) Địa chỉ: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA CATERPILLAR INC.(GEO) Address: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: C32 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 145 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 162 mm	00166/22CN04.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
63	Động cơ diesel/ Marine diesel engine C32B	CATERPILLAR INC.(GEO) Địa chỉ: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA CATERPILLAR INC.(GEO) Address: 560 Rehoboth Road, Griffin, Georgia, 30224, USA	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/4 strokes, single action. Kiểu/ Type: C32B Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 145 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 162 mm	00166/22CN04.TA 21/03/2022 21/03/2027 21/09/2024	CTA
64	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6MJ	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC6MJ Kiểu/ Type: YC6MJ365L-C20*/YC6MJ400L-C20*/YC6MJ410L-C20*/YC6MJ450L-C20*/YC6MJ400L-C22**/YC6MJ550L-C20*/YC6MJ500L-C20*. Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 131mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 145 mm	00339/22CN06.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
65	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC4D	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC4D Kiểu/ Type: YC4108CA/YC4108C/YC4108ZC/YC4D75C Số xy lanh/ No. of Cylinder: 4 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 108 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 115 mm	00339/22CN01.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA
66	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6J	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC6J Kiểu/ Type: YC6105CA*/YC6105CA1*/YC6J60C* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 105 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 125 mm	00339/22CN02.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA
67	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6B	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC6B Kiểu/ Type: YC6108CA/YC6108CA1*/YC6108ZC/YC6108ZCA*/YC6108ZLCA/YC6B150C/YC6B165C*/YC6B165L-C20/YC6B170C*/YC6B100-C20*/YC6B165L-C22** Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 108 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 125 mm	00339/22CN03.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA
68	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6A	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC6A Kiểu/ Type: YC6108ZLCB/YC6A170C/YC6A190C/YC6A195C*/YC6A220C*/YC6A200L-C20** Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 108 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 132 mm	00339/22CN04.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
69	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6MK	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC6MK Kiểu/ Type: YC6MK320C/YC6MK330C/YC6MK300C/YC6MK280C/YC6MK350L-C20*/YC6MK240L-C25**/YC6MK300L-C20*/YC6MK280L-C20*/YC6MK240L-C23*/YC6MK220Z-C20*/YC6MK260L-C20*/YC6MK240L-C20*/YC6MK300L-C22**/YC6MK260L-C22**/YC6MK240L-C22**/YC6MK245L-C26**/YC6MK300L-C26**/YC6MK330L-C26**/YC6MK450L-C20*/YC6MK350L-C23*/YC6MK410L-C20*/YC6MK350L-C24*/YC6MK280L-C24*/YC6MK320L-C23*/YC6MK300L-C23*/YC6MK240L-C24*/YC6MK330L-C20*/YC6MK300L-C24*/YC6MK280L-C23*/YC6MK260L-C23*/YC6MK240L-C26*/YC6MK300L-C25**/YC6MK260L-C24**/YC6MK245L-C20**/ Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 123 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 145 mm	00339/22CN05.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA
70	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6T	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC6T Kiểu/ Type: YC6T450C/YC6T400C/YC6T375L-C20/YC6T300C*/YC6T350C*/YC6T190C*/YC6T285C*/YC6T330C/YC6T410C/YC6T390C*/YC6T420C*/YC6T480C*/YC6T510C*/YC6T540C*/YC6T490C**/YC6T320C*/YC6T250L-C20*/YC6T270L-C20*/YC6T350L-C20**/YC6T340C*/YC6T430C*/YC6T375C*/YC6T275C*/YC6T450L-C22**/YC6T410L-C26**/YC6T450L-C26**/YC6T490L-C26** Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 145 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 165 mm	00339/22CN07.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
71	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6CD	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC6CD Kiểu/ Type: YC6CD600L-C20*/YC6CD590L-C20*/YC6CD550L-C20*/YC6CD520L-C20*/YC6CD485L-C20*/YC6CD450L-C20*/YC6CD410L-C20*/YC6CD405L-C20*/YC6CD375L-C20*/YC6CD350L-C20*/YC6CD750L-C20*/YC6CD700L-C20*/YC6CD680L-C20/YC6CD665L-C20/YC6CD655L-C22/YC6CD600L-C23/YC6CD540L-C20/YC6CD355C*/YC6CD450C*/YC6CD490C*/YC6CD420C*/YC6CD545C*/YC6CD600C* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 180 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 210 mm	00339/22CN08.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA
72	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6C	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC6C Kiểu/ Type: YC6C925L-C20*/YC6C865L-C20*/YC6C820L-C20*/YC6C730L-C20*/YC6C670L-C20*/YC6C620L-C20*/YC6C700L-C20/YC6C650L-C20/YC6C530L-C20/YC6C480L-C20/YC6C820L-C21**/YC6C960L-C20*/YC6C295Z-C20*/YC6C980L-C20**/YC6C825C*/YC6C710C*/YC6C660C*/YC6C570C*/YC6C515C*/YC6C820L-C26** Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 200 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 210 mm	00339/22CN09.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA
73	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6CL	Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Machinery Co., Ltd. Address: No.88, Tianquiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: YC6CL Kiểu/ Type: YC6CL1035L-C20/YC6CL920L-C20*/YC6CL770L-C20/YC6CL745L-C20*/YC6CL960L-C20**/YC6CL1200L-C20*/YC6CL1200L-C22**/YC6CL1135L-C20*/YC6CL1135L-C22** Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 200 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 290 mm	00339/22CN10.TA 11/05/2022 10/01/2027 11/11/2024	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
74	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S6R-T2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Single acting, 4-stroke, direct injection Kiểu/ Type: S6R-T2M(P)TK/ S6R-T2M(P)TK2 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00025/23CN01.TA 12/01/2023 10/01/2025 12/07/2025	CTA
75	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S12R-T2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Single acting, 4-stroke, direct ịnection Kiểu/ Type: S12R-T2M(P)TK/ S12R-T2M(P)TK2 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00025/23CN02.TA 12/01/2023 10/01/2025 12/07/2025	CTA
76	Động cơ diesel/ Marine diesel engine K-38	Cummins Ltd. Daventry Plant Địa chỉ: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU Vương Quốc Anh Cummins Ltd. Daventry Plant Address: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU UK	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn, xy lanh bố trí hình V/ Four stroke, Single acting, Cylinders in Vee Kiểu/ Type: KTA38-M0; KTA38-M1; KTA38-M2; K38-M to M/E/ KTA38-D(M); KTA38-D(M1) to A/E Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 159 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 159 mm	00181/23CN01.TA 10/04/2023 10/04/2028 10/10/2025	CTA
77	Động cơ diesel/ Marine diesel engine K-50	Cummins Ltd. Daventry Plant Địa chỉ: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU Vương Quốc Anh Cummins Ltd. Daventry Plant Address: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU UK	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn, xy lanh bố trí hình V/ Four stroke, Single acting, Cylinders in Vee Kiểu/ Type: KTA50-M2 to M/E/ KTA50-D(M); KTA50-D(M1) to A/E Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 159 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 159 mm	00181/23CN01.TA 10/04/2023 10/04/2028 10/10/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
78	Động cơ diesel/ Marine diesel engine QSK38	Cummins Ltd. Daventry Plant Địa chỉ: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU Vương Quốc Anh Cummins Ltd. Daventry Plant Address: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU UK	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn, xy lanh bố trí hình V, điều khiển điện/ Four stroke, Single acting, Cylinders in Vee, Electronically controlled. Kiểu/ Type: QSK38-M; QSK38-M1; QSK38-M2 to M/E / QSK38-DM; QSK38-DM1; QSK38-DM2 to A/E Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 159 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 159 mm	00181/23CN02.TA 10/04/2023 10/04/2028 10/10/2025	CTA
79	Động cơ diesel/ Marine diesel engine QSK50	Cummins Ltd. Daventry Plant Địa chỉ: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU Vương Quốc Anh Cummins Ltd. Daventry Plant Address: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU UK	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn, xy lanh bố trí hình V, điều khiển điện/ Four stroke, Single acting, Cylinders in Vee, Electronically controlled. Kiểu/ Type: QSK50-M; QSK50-M1 to M/E / QSK50-DM; QSK50-DM1 to A/E Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 159 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 159 mm	00181/23CN02.TA 10/04/2023 10/04/2028 10/10/2025	CTA
80	Động cơ diesel/ Marine diesel engine QSK60	Cummins Ltd. Daventry Plant Địa chỉ: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU Vương Quốc Anh Cummins Ltd. Daventry Plant Address: Royal Oak Way South – Daventry – Northamptonshire, NN11 8NU UK	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn, xy lanh bố trí hình V, điều khiển điện/ Four stroke, Single acting, Cylinders in Vee, Electronically controlled. Kiểu/ Type: QSK60-M; QSK60-M1 to M/E / QSK60-DM; QSK60-DM1 to A/E Số xy lanh/ No. of Cylinder: 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 159 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 190 mm	00181/23CN03.TA 10/04/2023 10/04/2028 10/10/2025	CTA
81	Động cơ diesel/ Marine diesel engine L126	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: L126TIM; L126TIH Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 123 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00392/23CN01.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
82	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD126	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD126TIS; AD126TIF Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 123 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00392/23CN01.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
83	Động cơ diesel/ Marine diesel engine MD196	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: MD196T; MD196TI Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 123 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00392/23CN01.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
84	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD196	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD196TIF; AD196TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 123 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00392/23CN01.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
85	Động cơ diesel/ Marine diesel engine V158	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: V158TIH; V158TIM; V158TIL Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN04.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
86	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD158	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD158TIF; AD158TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN04.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
87	Động cơ diesel/ Marine diesel engine V180	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: V180TIH; V180TIM; V180TIL Số xy lanh/ No. of Cylinder: 10 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN04.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
88	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD180	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD180TIF; AD180TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 10 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN04.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
89	Động cơ diesel/ Marine diesel engine V222	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: V222TIH; V222TIM; V222TIL Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN04.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
90	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD222	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD222TIL; AD222TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN04.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
91	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 4V158	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: 4V158TIL; 4V158TIM; 4V158TIH Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN03.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
92	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 4V222	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: 4V222TIL; 4V222TIM; 4V222TIH Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN03.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
93	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 4AD158	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: 4AD158TIF; 4AD158TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN03.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
94	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 4AD222	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: 4AD222TIF; 4AD222TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 128 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 142 mm	00392/23CN03.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
95	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD086	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD086TIS; AD086TIF Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 111 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 139 mm	00392/23CN02.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
96	Động cơ diesel/ Marine diesel engine L086	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: L086TIH; L086TIM; L086TIL Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 111 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 139 mm	00392/23CN02.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
97	Động cơ diesel/ Marine diesel engine L136	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: L136; L136T; L136TI Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 111 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 139 mm	00392/23CN02.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
98	Động cơ diesel/ Marine diesel engine AD136	HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Địa chỉ: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea HD Hyundai Infracore Co., Ltd. Address: 489, Injung-ro, Dong-gu, Incheon, Korea	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ 4 Strokes, single acting Kiểu/ Type: AD136S; AD136TS; AD136F; AD136TF;AD136TIF; AD136TIS Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 111 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 139 mm	00392/23CN02.TA 20/06/2023 25/11/2026 10/12/2026	CTA
99	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP4	Weichai (Weifang) Medium - duty Diesel Engine Co. Ltd Địa chỉ: No. 169, Weian Road, High - tech Zone, Weifang, Shandong, China Weichai (Weifang) Medium - duty Diesel Engine Co. Ltd Address: No. 169, Weian Road, High - tech Zone, Weifang, Shandong, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: WP4C/ WP4CD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 4 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 105 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 130 mm	00282/23CN01.TA 15/06/2023 15/06/2028 15/12/2025	CTA
100	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP6	Weichai (Weifang) Medium - duty Diesel Engine Co. Ltd Địa chỉ: No. 169, Weian Road, High - tech Zone, Weifang, Shandong, China Weichai (Weifang) Medium - duty Diesel Engine Co. Ltd Address: No. 169, Weian Road, High - tech Zone, Weifang, Shandong, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: WP6C / WP6C-(E) / WP6CD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 105 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 130 mm	00282/23CN01.TA 15/06/2023 15/06/2028 15/12/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
101	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP10	Weichai Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China Weichai Power Co.,Ltd. Address: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: WP10C/ WP10C-(E)/ WP10(CR)/ WP10CD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 126 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 130 mm	00280/23CN01.TA 15/06/2023 11/11/2026 15/12/2025	CTA
102	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP12	Weichai Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China Weichai Power Co.,Ltd. Address: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: WP12C/ WP12C-(E)/ WP12(CR)/ WP12CD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 126 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00280/23CN02.TA 15/06/2023 11/11/2026 15/12/2025	CTA
103	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WP13	Weichai Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China Weichai Power Co.,Ltd. Address: No.197A,Fushou East Str.,High-tech I-D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: WP13C/ WP13Y/ WP13C-(E)/ WP13(CR)/ WP13CD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 127 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 165 mm	00280/23CN03.TA 15/06/2023 11/11/2026 15/12/2025	CTA
104	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 170	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: 170ZC / 170ZD*/ 170ZCD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 ; 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 200 mm	00279/23CN01.TA 15/06/2023 11/11/2026 15/12/2025	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
105	Động cơ diesel/ Marine diesel engine WH20	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Chongqing Branch Địa chỉ: Degan Town, Jiangjin, Chongqing, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Chongqing Branch Address: Degan Town, Jiangjin, Chongqing, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: WH20LC / WH20LCD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 ; 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 200 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 300 mm	00283/23CN01.TA 15/06/2023 15/06/2028 15/12/2025	CTA
106	Động cơ diesel/ Marine diesel engine M33	Baudouin (Weifang) Power Co., Ltd Địa chỉ: No.197A, Fushou East Str,High-tech I.D Zone,Weifang,Shandong,China Baudouin (Weifang) Power Co., Ltd Address: No.197A, Fushou East Str,High-tech I.D Zone,Weifang,Shandong,China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ tác dụng đơn / Four stroke, single acting Kiểu/ Type: M33C / M33CD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 ; 12 ; 16 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 150 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 185 mm	00285/23CN01.TA 15/06/2023 15/06/2028 15/12/2025	CTA
107	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 6WH17	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: 6WH17C / 6WH17CD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 222 mm	00279/23CN02.TA 15/06/2023 11/11/2026 15/12/2025	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
108	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 8WH17	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: 8WH17C / 8WH17CD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 222 mm	00279/23CN02.TA 15/06/2023 11/11/2026 15/12/2025	CTA
109	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 12WH17	Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Địa chỉ: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China Weichai Heavy Machinery Co., Ltd. Address: No.17, Fuhai Street, Binhai Economic-Technological Development Area, Weifang, Shandong, P.R of China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: 12WH17C / 12WH17CD* Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 200 mm	00279/23CN02.TA 15/06/2023 11/11/2026 15/12/2025	CTA
110	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6TD	Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Address: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: YC6TD Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 152 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00466/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
111	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC8CL	Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Address: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: YC8CL Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 200 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 290 mm	00466/23CN02.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
112	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6CA	Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Address: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: YC6CA Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 200 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 320 mm	00466/23CN03.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
113	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC6TF	Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Address: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: YC6TF Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 175 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 220 mm	00466/23CN04.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
114	Động cơ diesel/ Marine diesel engine YC8CAX	Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Địa chỉ: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China Guangxi Yuchai Marine and Genset Power Co.,Ltd. Address: No. 88, Tianqiao West Road, Yulin City, Guangxi, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: YC8CAX Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 215 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 320 mm	00466/23CN05.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
115	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 6K13	Y & C Engine Co.,Ltd. Địa chỉ: No.9 Exi Road, Sanshan District, Wuhu, Anhui Y & C Engine Co.,Ltd. Address: No.9 Exi Road, Sanshan District, Wuhu, Anhui	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: YC6K560L-C20 / YC6K520L-C20 / YC6K420L-C20 / YC6K490L-C20 / YC6K450L-C20 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 129 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 165 mm	00468/23CN02.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
116	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 6K12	Y & C Engine Co.,Ltd. Địa chỉ: No.9 Exi Road, Sanshan District, Wuhu, Anhui Y & C Engine Co.,Ltd. Address: No.9 Exi Road, Sanshan District, Wuhu, Anhui	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tác dụng đơn/ Four stroke, single acting Kiểu/ Type: YC6K600L-C20 / YC6K550L-C20 / YC6K500L-C20 / YC6K460L-C20 / YC6K420L-C20* / YC6K400L-C20* / YC6K295L-C20* / YC6K190L-C20 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 129 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 155 mm	00468/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
117	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 4/6CH	Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Địa chỉ: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Address: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 4/6CH Kiểu/ Type: 4CHE3/ 6CHE3/6CH-HTE3, WDTE, WUTE (M/L rating). Số xy lanh/ No. of Cylinder: 4,6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 105 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 125 mm	00637/23CN01.TA 12/09/2023 12/09/2028 12/03/2026	CTA
118	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 6HA	Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Địa chỉ: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Address: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 6HA Kiểu/ Type: 6HA2M-HTE, DTE, WHT, WDT Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 130 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 165 mm	00637/23CN02.TA 12/09/2023 12/09/2028 12/03/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
119	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 6AY	Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Địa chỉ: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Address: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 6AY Kiểu/ Type: 6AYM-GTE, -ETE, -STE, -WGT, -WET, -WST Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 155 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00637/23CN03.TA 12/09/2023 12/09/2028 12/03/2026	CTA
120	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 6CXBM-GT	Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Địa chỉ: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Address: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 6CXBM-GT Kiểu/ Type: 6CXBM-GT Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 110 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 130 mm	00637/23CN04.TA 12/09/2023 12/09/2028 12/03/2026	CTA
121	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 6HY	Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Địa chỉ: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Address: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 6HY Kiểu/ Type: 6HYS-(W)ET, 6HYP-(W)ET, 6HY-(W)ET1, 6HYM-ETE, 6HYM-WET Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 132.9 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 165 mm	00637/23CN05.TA 12/09/2023 12/09/2028 12/03/2026	CTA
122	Động cơ diesel/ Marine diesel engine 12AY	Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Địa chỉ: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan Yanmar Power Technology Co.,Ltd. Address: 5-3-1 Tsukaguchi-Honmachi, Amagasaki, Hyogo, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: 12AY Kiểu/ Type: 12AYM-GT, 12AYM-ET, 12AYM-ST, 12AY-GT, 12AY-ET, 12AYM-WGT, 12AYM-WET, 12AYM-WST, 12AY-WGT, 12AY-WET. Số xy lanh/ No. of Cylinder: 12 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 155 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 180 mm	00637/23CN06.TA 12/09/2023 12/09/2028 12/03/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
123	Động cơ diesel/ Marine diesel engine DN8330	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: DN8330 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 330 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 450 mm	00896/23CN09.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA
124	Động cơ diesel/ Marine diesel engine G8300	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: G8300 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 300 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 380 mm	00896/23CN05.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA
125	Động cơ diesel/ Marine diesel engine N8210	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: N8210 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 210 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 300 mm	00896/23CN02.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
126	Động cơ diesel/ Marine diesel engine N6230	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: N6230 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 225 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 320 mm	00896/23CN03.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA
127	Động cơ diesel/ Marine diesel engine G6300	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: G6300 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 300 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 380 mm	00896/23CN04.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA
128	Động cơ diesel/ Marine diesel engine N6300	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: N6300 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 300 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 380 mm	00896/23CN06.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
129	Động cơ diesel/ Marine diesel engine N8300	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: N8300 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 300 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 380 mm	00896/23CN07.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA
130	Động cơ diesel/ Marine diesel engine DN6330	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: DN6330 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 330 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 450 mm	00896/23CN08.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA
131	Động cơ diesel/ Marine diesel engine DN8340	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: DN8340 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 340 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 450 mm	00896/23CN10.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
132	Động cơ diesel/ Marine diesel engine NL6340	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: NL6340 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 340 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 480 mm	00896/23CN11.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA
133	Động cơ diesel/ Marine diesel engine NL8340	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: NL8340 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 340 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 480 mm	00896/23CN12.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA
134	Động cơ diesel/ Marine diesel engine NL8300	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: NL8300 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 8 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 300 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 420 mm	00896/23CN13.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
135	Động cơ diesel/ Marine diesel engine N6210	Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Địa chỉ: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China Ningbo C.S.I Power & Machinery Group Co.,Ltd Address: No.699 Jinshan Road, Jiangbei District, Ningbo City, Zhejiang Province, China	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: Bốn kỳ, tăng áp/ 4 strokes, turbocharged Kiểu/ Type: N6210 Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 210 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 300 mm	00896/23CN01.TA 30/11/2023 30/11/2028 30/05/2026	CTA
136	Động cơ diesel/ Marine diesel engine S6R2-T2	Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Địa chỉ: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan Mitsubishi Heavy Industries Engines & Turbocharger, Ltd Address: 3000, Tana, Chuo-ku, Sagamihara, Kanagawa, Japan	Động cơ diesel/ Marine diesel engine: single acting, 4-stroke, direct injection Kiểu/ Type: S6R2-T2M(P)TK/ T2M(P)TK3(L),(M),(S) Số xy lanh/ No. of Cylinder: 6 Đường kính xy lanh/ Cylinder Bore: 170 mm Hành trình pitton/ Piston Stroke: 220 mm	00481/19CN08.TA 10/01/2020 10/01/2025 10/07/2022	CTA
137	Hộp số/ Gearbox DMT460HL	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT460HL Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1069/ 966*/ 881** (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 3.02/ 3.28/ 3.56/ 4.07/ 4.48*/ 4.95** : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 4443/ 4012*/ 3666** (Nm)	00997/22CN01.TA 22/12/2022 22/12/2027 22/06/2025	CTA
138	Hộp số/ Gearbox DMT561HL	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT561HL Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1299/ 1242*/ 1026** (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.53/ 3.02/ 3.28/ 3.56/ 4.07/ 4.48*/ 4.95** : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 5395/ 5159*/ 4263** (Nm)	00997/22CN01.TA 22/12/2022 22/12/2027 22/06/2025	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
139	Hộp số/ Gearbox DMT330DL	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT330DL Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 813,3/ 764,0* (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2400 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 3,61/ 3,1/ 3,56/ 4,13/ 4,59* : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 3236/ 3040* (Nm)	00997/22CN02.TA 22/12/2022 22/12/2027 22/06/2025	CTA
140	Hộp số/ Gearbox DMT600BL	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT600BL Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1476,2/ 1322,7*/ 1181,0**/ 1114,9*** (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 4,12/ 4,48/ 5,11*/ 5,62**/ 5,91*** : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 6129/ 5491*/ 4903**/ 4628*** (Nm)	00997/22CN03.TA 22/12/2022 22/12/2027 22/06/2025	CTA
141	Hộp số/ Gearbox DMT450DL	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT450DL Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1109,1/ 985,9*/ 887,3** (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2400 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 3,02/ 3,28/ 3,56/ 4,07/ 4,48*/ 4,95** : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 4413/ 3922*/ 3530** (Nm)	00997/22CN04.TA 22/12/2022 22/12/2027 22/06/2025	CTA
142	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 563L	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 563L, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train). Công suất dẫn/ Input power: Max 1197/1197/1197/1155 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 4.545/5.050/5.421/5.947 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 5444/5444/5444/5253 Nm	00669/22CN11.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
143	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 344	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 344, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train) Công suất dẫn/ Input power: Max 828/828/789/690/771/621kW; PTO Type K21: Max 92 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300/2300/2300/2300/2300/2300rpm; PTO Type K21: 2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1.488/1.972/2.452/2.963/3.571/4.053 : 1; PTO Type K21: 1:1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 3343/3343/3276/2865/3199/2579Nm; PTO Type K21: 382 Nm	00669/22CN02.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA
144	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 344L	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 344L, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train) Công suất dẫn/ Input power: Max 828/828/759/702/667/614kW; PTO Type K21:92 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300/2300/2300/2300/2300/2300rpm; PTO Type K21: 2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1.488/1.972/2.452/2.963/3.571/4.053 : 1; PTO Type K21: 1:1. Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 3152/3152/3152/2913/2770/2550Nm; PTO Type K21: 382 Nm	00669/22CN03.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
145	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 164	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 164, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train). Công suất dẫn/ Input power: Max 462/462/441/399/378 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 3.964/4.560/5.044/5.619/5.950 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 2101/2101/2006/1815/1719 Nm	00669/22CN01.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA
146	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 364	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 364, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train). Công suất dẫn/ Input power: Max 756/756/701/647/598/596 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 3.485/3.933/4.481/4.920/5.435/6.048 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 3438/3438/3188/2942/2719/2710 Nm	00669/22CN04.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA
147	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 364L	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 364L, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train). Công suất dẫn/ Input power: Max 693/693/693/647/598/596 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 3.485/3.933/4.481/4.920/5.435/6.048 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 3152/3152/3152/2942/2719/2710 Nm	00669/22CN05.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
148	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 464	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 464, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train). Công suất dẫn/ Input power: Max 966/903/851/819/767 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 4.000/4.577/5.042/5.591/5.905 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 4393/4107/3870/3725/3488 Nm	00669/22CN06.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA
149	Hộp số/ Gearbox WVS 430/1	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WVS 430/1 Công suất dẫn/ Input power: Max 1288/1288/1288/1288/1288/1288/1150/1178/1093/959/858 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300/2300/2300/2300/2300/2300/2300/2300/2300/2300/2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1.250/1.485/1.767/2.037/2.154/2.458/2.727/2.773/2.905/3.316/3.550 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 5348/5348/5348/5348/5348/5348/4775/4891/4538/3982/3563 Nm	00669/22CN07.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA
150	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 543	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 543 Công suất dẫn/ Input power: Max 1197/1197/1197/1155/1029 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.542/2.960/3.542/3.955/4.450 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 5444/5444/5444/5253/4680 Nm	00669/22CN08.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
151	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 543L	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 543L Công suất dẫn/ Input power: Max 1113/1113/1113/1113/1029 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.542/2.960/3.542/3.955/4.450 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 5062/5062/5062/5062/4680 Nm	00669/22CN09.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA
152	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 563	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 563, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train) Công suất dẫn/ Input power: Max 1239/1239/1239/1155 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 4.545/5.050/5.421/5.947 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 5635/5635/5635/5253 Nm	00669/22CN10.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA
153	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 665	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 665, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train). Công suất dẫn/ Input power: Max 1617/1617/1617/1617/1617/1617 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 3.536/4.080/4.560/5.043/5.571/5.950 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 7354/7354/7354/7354/7354/7354 Nm	00669/22CN12.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
154	Hộp số/ Gearbox WAF/LAF 665L	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WAF/LAF 665L, (WAF include reverse train, LAF does not include reverse train). Công suất dẫn/ Input power: Max: single screw 1470/1470/1470/1470/1460/1359; twin screw: 1470/1470/1470/1470/1470/1420 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 3.536/4.080/4.560/5.043/5.571/5.950 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: single screw 6685/6685/6685/6685/6638/6179; twin screw 6685/6685/6685/6685/6685/6456 Nm	00669/22CN13.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA
155	Hộp số/ Gearbox WVS 730/1	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WVS 730/1 Công suất dẫn/ Input power: Max 1785/1785/1785/1680/1680/1257/1168 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.036/2.269/2.542/2.864/3.048/3.542/3.955 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 8118/8118/8118/7640/7640/5716/5312 Nm	00669/22CN14.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA
156	Hộp số/ Gearbox WVS 730/1 L	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WVS 730/1 L Công suất dẫn/ Input power: Max 1470/1470/1470/1470/1470/1256/1155 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2100/2100/2100/2100/2100/2100/2100 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.036/2.269/2.542/2.864/3.048/3.542/3.955 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 6685/6685/6685/6685/6685/5712/5253 Nm	00669/22CN15.TA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
157	Hộp số/ Gearbox 6/16	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: 06/16 serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 1000~2100 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.0044~0.012 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (2.07~3.83):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing : 00470/23CN01-01	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
158	Hộp số/ Gearbox MA	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: MA serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 1500~3000 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.011~0.030 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (1.97~5.47):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing : 00470/23CN01-02	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
159	Hộp số/ Gearbox MB	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: MB serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 1000~2500 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.027~0.147 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (1.97~6.82):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing : 00470/23CN01-03	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
160	Hộp số/ Gearbox 40	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: 40 serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 750~2000 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.023~0.029 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (2.07~3.60):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-04	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
161	Hộp số/ Gearbox 50	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: 50 serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 1000~2500 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.025~0.039 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (2.0~6.0):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-05	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
162	Hộp số/ Gearbox 120	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: 120 serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 750~2500 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.07~0.919 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (1.514~3.73):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-06	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
163	Hộp số/ Gearbox 135	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: 135 serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 750~2000 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.07~0.115 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (2.03~5.81):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-07	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
164	Hộp số/ Gearbox 145	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: 145 serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 750~2000 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.070~0.100 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (3.0~6.0):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-08	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
165	Hộp số/ Gearbox 150	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: 150 serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 1000~2500 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.099~0.110 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (2.03~6.47):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-09	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
166	Hộp số/ Gearbox 300	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Vòng quay dẫn/ Input speed: 750~2500 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.125~0.282 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (2.04~9.44):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / Approved drawing: 00470/23CN01-10	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
167	Hộp số/ Gearbox 345	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: 345 serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 750~2500 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.147~0.243 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (2.0~7.0):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-11	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
168	Hộp số/ Gearbox 450	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: 450 serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 1000~2100 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.279~0.331 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (2.0~6.0):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-12	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
169	Hộp số/ Gearbox J	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: J serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 500~2500 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.19~2.0594 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: (1.96~20.5):1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-13	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
170	Hộp số/ Gearbox FDL	Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Địa chỉ: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China Hangzhou Fada Gearbox Group Co., Ltd. Address: Xinhe Village, Linpu Town, Xiaoshan District, Hangzhou City, China	Kiểu/ Type: FDL serial Vòng quay dẫn/ Input speed: 500~2500 rpm Công suất truyền động/ Rated Transmission Capacity: 0.1~0.628 kW/r.min-1 Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1:1 Ghi chú/ Note: Bản vẽ được duyệt / approved drawing: 00470/23CN01-14	00470/23CN01.TA 15/08/2023 15/08/2028 15/02/2026	CTA
171	Hộp số/ Gearbox DMT150H	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT150H Công suất dẫn/ Input power: 431 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2500 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1.83/ 2.09/ 2.51/ 3.08/ 3.43 : 1 Mômen xoắn/ Torque: 1647 Nm	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
172	Hộp số/ Gearbox DMT190H	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT190H Công suất dẫn/ Input power: 462 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2500 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1.83/ 2.09/ 2.51/ 3.08/ 3.43 : 1 Mômen xoắn/ Torque: 1765 Nm	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA
173	Hộp số/ Gearbox DMT240H	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT240H Công suất dẫn/ Input power: 560 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2500 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1.5/ 1.97/ 2.44/ 2.93/ 3.4 : 1 Mômen xoắn/ Torque: 2142 Nm	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA
174	Hộp số/ Gearbox DMT260H	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT260H Công suất dẫn/ Input power: 663 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2500 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.06/ 2.5/ 2.92/ 3.26 : 1 Mômen xoắn/ Torque: 2530 Nm	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA
175	Hộp số/ Gearbox DMT280H	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT280H Công suất dẫn/ Input power: 765 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2500 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.06/ 2.5/ 2.92/ 3.26 : 1 Mômen xoắn/ Torque: 2923 Nm	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
176	Hộp số/ Gearbox DMT400H	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT400H Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1070/ 938/ 763/ 111* (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300/ 1800* rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1.43/ 1.72/ 2.03 / 2.46/ 2.75 : 1 and 0.92:1* (live P.T.O) Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 4443/ 3893/ 3168/ 588* (Nm)	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA
177	Hộp số/ Gearbox DMT430H	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT430H Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1070/ 1016/ 964 (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.06/ 2.44/ 2.93/ 3.23/ 3.4 : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 4443/ 4217/ 4001 (Nm)	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA
178	Hộp số/ Gearbox DMT460HL	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT460HL Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1069/ 966/ 881 (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 3.02/ 3.28/ 3.56/ 4.07/ 4.48/ 4.95 : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 4443/ 4012/ 3666 (Nm)	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA
179	Hộp số/ Gearbox DMT550H	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT550H Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1302/ 1268/ 1146/ 956 (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1.43/ 1.64/ 1.81/ 2.03/ 2.33/ 2.6/ 2.91 : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 5405/ 5267/ 4756/ 3970 (Nm)	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
180	Hộp số/ Gearbox DMT561HL	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT561HL Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1299/ 1242/ 1026 (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.53/ 3.02/ 3.28/ 3.56/ 4.07/ 4.48/ 4.95 : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 5395/ 5159/ 4263 (Nm)	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA
181	Hộp số/ Gearbox DMT600DL	D - I Industrial Co.,Ltd. Địa chỉ: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea D - I Industrial Co.,Ltd. Address: 13, Namgang-ro 1367 beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Korea	Kiểu/ Type: DMT600DL Công suất dẫn lớn nhất/ Max. input power: 1476.5*/ 1412/ 1335/ 1222 (kW) Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300*/ 2200 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 2.28*/ 2.53/ 3.02/ 3.28/ 3.56/ 4.07/ 4.48/ 4.95 : 1 Mô men xoắn dẫn lớn nhất/ Max. Input Torque: 6130*/ 6129/ 5796/ 5306 (Nm)	00920/23CN01.TA 12/12/2023 12/12/2028 12/06/2026	CTA
182	Hộp số/ Gearbox WVS 930/1	Reintjes GmbH Địa chỉ: Hameln, Germany. Reintjes GmbH Address: Hameln, Germany.	Kiểu/ Type: WVS 930/1 Công suất dẫn/ Input power: Max 2714/2645/2576/2235/1858/1734 kW Vòng quay dẫn/ Input speed: 2300/2300/2300/2300/2300/2300 rpm Tỉ số truyền/ reduction ratio: 1.525/2.032/2.482/3.044/3.542/3.954 : 1 Mômen xoắn/ Torque: Max input torque: 11269/10983/10696/9280/7715/7200 Nm	00800/23CN01.TA 30/10/2023 30/10/2028 30/04/2026	CTA
183	Bộ quạt thông gió/ Set of fan ES-F01-21-3S15	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F01-21-3S15 Lưu lượng/ Capacity: 6000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 300 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 1.5 Kw	00291/19CN01.DA 26/08/2019 26/08/2024 26/02/2022	CDA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
184	Bộ quạt thông gió/ Set of fan TAF/HA-700/4-4	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-700/4-4 Lưu lượng/ Capacity: 18600 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 100 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1440 Rpm Công suất/ Rated Output: 4 Kw	00479/19CN01.DA 13/12/2019 13/12/2024 13/06/2022	CDA
185	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HCF/HA-15-2	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: HCF/HA-15-2 Lưu lượng/ Capacity: 7200 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 5880 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2940 Rpm Công suất/ Rated Output: 15 Kw	00138/20CN01.DA 04/05/2020 04/05/2025 04/11/2022	CDA
186	Bộ quạt thông gió/ Set of fan TAF/HA-800/7.5-4	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-800/7.5-4 Lưu lượng/ Capacity: 35,100 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 460 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1460 Rpm Công suất/ Rated Output: 7,5 Kw	00184/20CN01.DA 01/06/2020 01/06/2025 01/12/2022	CDA
187	Bộ quạt thông gió/ Set of fan TAF/HA-1000/15-4	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-1000/15-4 Lưu lượng/ Capacity: 60000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 390 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1460 Rpm Công suất/ Rated Output: 15 Kw	00683/20CN01.DA 10/12/2020 10/12/2025 10/06/2023	CDA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
188	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-400/1.5-2V2 Lưu lượng/ Capacity: 8760 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 300 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 1.5 Kw	00182/21CN01.DA 19/03/2021 19/03/2026 19/09/2023	CDA
189	Bộ quạt thông gió/ Set of fan ES-F01-21-N2	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F01-21-N2 Lưu lượng/ Capacity: 10000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 148 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1440 Rpm Công suất/ Rated Output: 2,2 Kw	00416/21CN01.DA 20/05/2021 20/05/2026 20/11/2023	CDA
190	Bộ quạt thông gió/ Set of fan ES-F01-21-N-3S15	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F01-21-N-3S15 Lưu lượng/ Capacity: 3000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 360 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 0.75 Kw	00628/21CN01.DA 30/07/2021 30/07/2026 30/01/2024	CDA
191	Bộ quạt thông gió/ Set of fan ES-F01-21-N-9S	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F01-21-N-9S Lưu lượng/ Capacity: 1200 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 200 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 0.37 Kw	00628/21CN02.DA 30/07/2021 30/07/2026 30/01/2024	CDA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
192	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI12-0,37 Lưu lượng/ Capacity: 1200 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 295 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1390/ 1668 Rpm Công suất/ Rated Output: 0,37 Kw	00926/21CN01.DA 20/12/2021 20/12/2026 20/06/2024	CDA
193	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI12-0,75 Lưu lượng/ Capacity: 2000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1380/1656 Rpm Công suất/ Rated Output: 0,75 Kw	00926/21CN02.DA 20/12/2021 20/12/2026 20/06/2024	CDA
194	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI12-1,5 Lưu lượng/ Capacity: 4800 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1430/ 1716 Rpm Công suất/ Rated Output: 1,5 Kw	00926/21CN03.DA 20/12/2021 20/12/2026 20/06/2024	CDA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
195	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI21-4.PR-EX Lưu lượng/ Capacity: 9000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 260 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1440/1728 Rpm Công suất/ Rated Output: 4,0 Kw	00926/21CN04.DA 20/12/2021 20/12/2026 20/06/2024	CDA
196	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI21-5,5-EX Lưu lượng/ Capacity: 25000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1445 Rpm Công suất/ Rated Output: 5,5 Kw	00926/21CN05.DA 20/12/2021 20/12/2026 20/06/2024	CDA
197	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI12-5,5 Lưu lượng/ Capacity: 22500 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1445/ 1734 Rpm Công suất/ Rated Output: 5,5 Kw	00926/21CN06.DA 20/12/2021 20/12/2026 20/06/2024	CDA
198	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: CF/HA-2.2-2V3 EXDI Lưu lượng/ Capacity: 6000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 540 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2860 Rpm Công suất/ Rated Output: 2,2 Kw	00986/21CN01.DA 22/12/2021 22/12/2026 22/06/2024	CDA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
199	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-400/1,5-2T Lưu lượng/ Capacity: 8760 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 228 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 1,5 Kw	00888/21CN01.DA 18/11/2021 18/11/2026 18/05/2024	CDA
200	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-300/0.75-2V ExdI Lưu lượng/ Capacity: 3000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 280 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 0,75 Kw	00888/21CN02.DA 18/11/2021 18/11/2026 18/05/2024	CDA
201	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-700/5,5-4V ExdI Lưu lượng/ Capacity: 22,200 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 258 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1445 Rpm Công suất/ Rated Output: 5,5 Kw	00888/21CN03.DA 18/11/2021 18/11/2026 18/05/2024	CDA
202	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F01-21-N-1S1.PN Lưu lượng/ Capacity: 1000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 135 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 0,55 Kw	00858/21CN01.DA 24/11/2021 24/11/2026 24/05/2024	CDA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
203	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F01-21-N-6S Lưu lượng/ Capacity: 29000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 300 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2890 Rpm Công suất/ Rated Output: 5,5 Kw	00858/21CN02.DA 24/11/2021 24/11/2026 24/05/2024	CDA
204	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-700/2.2-4V-ExdI Lưu lượng/ Capacity: 12000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 400 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1440 Rpm Công suất/ Rated Output: 2.2 Kw	00147/22CN01.DA 15/03/2022 15/03/2027 15/09/2024	CDA
205	Bộ quạt thông gió/ Set of fan TAF/HA-800/5.5-4V	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-800/5.5-4V Lưu lượng/ Capacity: 35,100 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 460 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1445 Rpm Công suất/ Rated Output: 5,5 Kw	00681/22CN01.DA 25/08/2022 25/08/2027 25/02/2025	CDA
206	Bộ quạt thông gió/ Set of fan ES-F01-21-N-8S.PN	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F01-21-N-8S.PN Lưu lượng/ Capacity: 11500 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 280 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2860 Rpm Công suất/ Rated Output: 2,2 Kw	00692/22CN01.DA 31/08/2022 31/08/2027 28/02/2025	CDA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
207	Bộ quạt thông gió/ Set of fan TAF/HA-600/5,5-2V-EXDI	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-600/5.5-2V-ExdI Lưu lượng/ Capacity: 22200 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 420 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2890 Rpm Công suất/ Rated Output: 5,5 Kw	00527/22CN02.DA 27/07/2022 27/07/2027 27/01/2025	CDA
208	Bộ quạt thông gió/ Set of fan TAF/HA-350/0,75-2V	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-350/0,75-2V Lưu lượng/ Capacity: 5640 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 181Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 0,75 Kw	00527/22CN01.DA 27/07/2022 27/07/2027 27/01/2025	CDA
209	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HCF/HA-5,5-2V-EXDI	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: HCF/HA-5,5-2V-EXDI Lưu lượng/ Capacity: 3000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 4000 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2890 Rpm Công suất/ Rated Output: 5,5 Kw	00527/22CN03.DA 27/07/2022 27/07/2027 27/01/2025	CDA
210	Bộ quạt thông gió/ Set of fan TAF/HA-400/2,2-2V-EXDI	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: TAF/HA-400/2,2-2V-ExdI Lưu lượng/ Capacity: 4500 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 228 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 2,2 Kw	00527/22CN04.DA 27/07/2022 27/07/2027 27/01/2025	CDA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
211	Bộ quạt thông gió/ Set of fan CF/HA-2,2-2V2-EXDI	Công ty TNHH thiết bị Hồng An Địa chỉ: Số 14, Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Hong An Equipment Co.,Ltd Address: No. 14, Binh bridge, So Dau Ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Kiểu Quạt/ Type: CF/HA-2,2-2V2-ExdI Lưu lượng/ Capacity: 800 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 350 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2860 Rpm Công suất/ Rated Output: 2,2 Kw	00527/22CN05.DA 27/07/2022 27/07/2027 27/01/2025	CDA
212	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI22- 2.2- Ex BT4 Lưu lượng/ Capacity: 12000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2860/3430 Rpm Công suất/ Rated Output: 2,2 Kw	00636/22CN01.DA 18/08/2022 18/08/2027 18/02/2025	CDA
213	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F01-21-N-3S11 Lưu lượng/ Capacity: 15000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 210 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 1,5 Kw	00236/22CN01.DA 21/04/2022 21/04/2027 21/10/2024	CDA
214	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F01-21-N-6S.PN Lưu lượng/ Capacity: 28000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 300 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2890 Rpm Công suất/ Rated Output: 5,5 Kw	00115/22CN01.DA 24/02/2022 24/02/2027 24/08/2024	CDA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
215	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HEI17-2.2.PR-EX	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI17-2.2.PR-EX Lưu lượng/ Capacity: 6000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 260 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2860 Rpm Công suất/ Rated Output: 2,2 Kw	00079/23CN01.DA 15/02/2023 15/02/2028 15/08/2025	CDA
216	Bộ quạt thông gió/ Set of fan ES-F21-D4-S3-H6-Q11-P5	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F21-D4-S3-H6-Q11-P5 Lưu lượng/ Capacity: 9000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 230 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 1.5 Kw	00155/24CN02.DA 22/03/2024 22/03/2029 22/09/2026	CDA
217	Bộ quạt thông gió/ Set of fan ES-F21-D3-S3-H8-Q5-P2	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F21-D3-S3-H8-Q5-P2 Lưu lượng/ Capacity: 3000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 300 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2670 Rpm Công suất/ Rated Output: 0.55 Kw	00155/24CN01.DA 22/03/2024 22/03/2029 22/09/2026	CDA
218	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HEI24-5.5	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI24-5.5 Lưu lượng/ Capacity: 24000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1440 Rpm Công suất/ Rated Output: 5.5 Kw	00227/24CN01.DA 02/04/2024 02/04/2029 02/10/2026	CDA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
219	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HEI24-2.2.PR-EXBT4	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI24-2.2.PR-EXBT4 Lưu lượng/ Capacity: 8000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1440 Rpm Công suất/ Rated Output: 2.2 Kw	00227/24CN02.DA 02/04/2024 02/04/2029 02/10/2026	CDA
220	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HEI24-0.75	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI24-0.75 Lưu lượng/ Capacity: 4500 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 295 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 0.75 Kw	00227/24CN03.DA 02/04/2024 02/04/2029 02/10/2026	CDA
221	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HEI24-0.55	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI24-0.55 Lưu lượng/ Capacity: 3000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 295 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 0.55 Kw	00227/24CN04.DA 02/04/2024 02/04/2029 02/10/2026	CDA
222	Bộ quạt thông gió/ Set of fan ES-F21-D4-S3-H5-Q16-P7	Công ty TNHH Cơ điện-Vận tải và thương mại ESUN Địa chỉ: Xóm Dậu - Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội ESUN Trading and Transport electromechanics company limited Address: Dau Hamlet, Di trach Ward, Hoai Duc District, Ha Noi City	Kiểu Quạt/ Type: ES-F21-D4-S3-H5-Q16-P7 Lưu lượng/ Capacity: 16000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 210 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2900 Rpm Công suất/ Rated Output: 3. Kw	00260/24CN01.DA 22/04/2024 22/04/2029 22/10/2026	CDA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
223	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HEI23-5.5-EXDIIAT4	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI23-5.5-Exd II AT4 Lưu lượng/ Capacity: 28000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1730 Rpm Công suất/ Rated Output: 5.5 Kw	00884/23CN03.DA 27/11/2023 27/11/2028 27/05/2026	CDA
224	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HEI18-0.75.EX	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI18-0.75.EX Lưu lượng/ Capacity: 4000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 395 Pa Vòng quay/ Revolusion: 2850 Rpm Công suất/ Rated Output: 0.75 Kw	00832/23CN01.DA 03/11/2023 03/11/2028 03/05/2026	CDA
225	Bộ quạt thông gió/ Set of fan HEI23-4-EXBT3	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI23-4-EXBT3 Lưu lượng/ Capacity: 16000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1730 Rpm Công suất/ Rated Output: 4 Kw	00621/23CN01.DA 25/08/2023 25/08/2028 25/02/2026	CDA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
226	Bộ quạt thông gió/ Set of fan	Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 - Km92 - Đường 5 mới - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng Hai Phong Electrial Industrial JSC Address: No. 3 - Km92 - New 5th Street - Hungvuong - Hongbang - Haiphong City	Kiểu Quạt/ Type: HEI23-2.2-ExBT4 Lưu lượng/ Capacity: 12000 m3/h Áp lực tĩnh/ Static Pressure: 392 Pa Vòng quay/ Revolusion: 1440 Rpm Công suất/ Rated Output: 2,2 Kw	00520/23CN01.DA 28/07/2023 28/07/2028 28/01/2026	CDA